

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Tuấn;

Bà Lý Thị Phạm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Slinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị La Thị P, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03-01-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn chị La Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị La Thị P và anh Bùi Mạnh T được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 04/12/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Bùi Mạnh T thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập chị La Thị P. Từ đầu

năm 2017 đến nay, vợ chồng anh chị ly thân, chị La Thị P sống cùng bố mẹ đẻ tại Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; còn anh Bùi Mạnh T về quê sinh sống cùng gia đình tại Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ khi ly thân năm 2017 đến nay, anh chị không còn liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Mạnh T, đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung không có, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Chị La Thị P và anh Bùi Mạnh T chỉ chung sống với nhau trong một thời gian khoảng 01 năm nhưng phải thuê nhà trọ để ở vì không có nhà. Anh Bùi Mạnh T là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, thi thoảng làm thợ xây nhưng không có việc làm nên thường ở nhà uống rượu. Đầu năm 2017 thì vợ chồng ly thân, chị La Thị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ, còn anh Bùi Mạnh T cũng bỏ về quê. Thời gian chung sống, chị La Thị P và anh Bùi Mạnh T không có tài sản chung gì, hiện nay chị cũng không có nhà ở, vẫn ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Việc anh Bùi Mạnh T khai vợ chồng có tài sản chung là đất trị giá 50.000.000 đồng, nhà ở trị giá 300.000.000 đồng là không đúng. Chị La Thị P khẳng định chị và anh Bùi Mạnh T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và văn bản trình bày của anh Bùi Mạnh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Mạnh T và chị La Thị P được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 04/12/2015. Vợ chồng có mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung, anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị La Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Bùi Mạnh T đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai anh Bùi Mạnh T gửi đến Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn ngày 19/01/2024 trình bày tài sản chung gồm có: Đất rộng 5m, dài 17m; nhà 2 tầng trị giá 350.000.000 đồng. Anh Bùi Mạnh T yêu cầu chia đôi các tài sản trên. Nợ chung: Không có. Tại đơn trình bày của anh Bùi Mạnh T gửi đến Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn ngày 01/3/2024 trình bày tài sản chung gồm có: Diện tích đất dài 15m, rộng 5m đã xây thành nhà ở và chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì mua đất vườn của thím dâu bên vợ số tiền là 50.000.000 đồng được hai bên gia đình và bản thân xây dựng lên thành nhà ở với giá trị khoảng 300.000.000 đồng. Anh Bùi Mạnh T yêu cầu chia đôi tài sản giá trị đất và nhà thành tiền, còn đất và nhà để lại cho chị La Thị P sử dụng.

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc yêu cầu đương sự thực hiện nghĩa vụ tố tụng, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Bùi Mạnh T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về thẩm quyền thụ lý (Điều 28, 35, 39); Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự (Điều 68); trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp được thực hiện theo đúng quy định (Điều 195, 196); Việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ đúng quy định (từ Điều 93 đến Điều 97). Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng và đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án (Điều 238 BL TTDS).

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn kể từ khi vụ án được thụ lý đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chấp hành không đúng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về yêu cầu ly hôn của chị La Thị P: Chị La Thị P kết hôn với anh Bùi Mạnh T trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 04/12/2015. Trong cuộc sống hôn nhân, chị Phượng và anh Thắng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2017 đến nay, chị Phượng và anh Thắng đã sống ly thân, trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm đến nhau, không có hành động hàn gắn tình cảm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Phượng yêu cầu được ly hôn với anh Thắng, tại biên bản tự khai anh Thắng đồng ý ly hôn với chị Phượng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Phượng và anh Thắng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị La Thị P được ly hôn với anh Bùi Mạnh T.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Chị La Thị P khẳng định chị Phượng và anh Thắng không có tài sản chung gì. Anh Thắng trình bày vợ chồng có tài sản chung bao gồm diện tích đất dài 15m, rộng 5m đã xây thành nhà ở với số tiền là 50.000.000 đồng, được hai bên gia đình và bản thân xây dựng nên thành nhà trị giá 300.000.000 đồng. Tài sản trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vì lý do mua đất vườn của thím dâu bên chị Phượng). Tòa án đã yêu cầu anh Thắng cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến thửa đất để xem xét giải quyết, tuy nhiên ngoài lời trình bày anh Thắng không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ khác, chị Phượng trình

bà hai vợ chồng từ khi kết hôn chung sống với nhau 01 năm nhưng đi thuê trọ, bản thân anh Thắng không có việc làm ổn định nên không có tài sản chung. Do đó, Tòa án đã thông báo yêu cầu anh Thắng nộp tài liệu chứng cứ trước phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh Thắng không cung cấp, nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị La Thị P là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập họp lệ lần 2, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn có ý kiến trình bày về yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên bị đơn không hợp tác đến Tòa án để thực hiện thủ tục làm đơn yêu cầu chia tài sản chung theo quy định để Tòa án thụ lý theo quy định vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Bùi Mạnh T, cư trú tại thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn là Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị P và anh Bùi Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2015 ngày 04/12/2015, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau, đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị La Thị P xin ly hôn anh Bùi Mạnh T cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị La Thị P và anh Bùi Mạnh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị La Thị P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Bùi Mạnh T yêu cầu chia tài sản chung tuy nhiên chị La Thị P trình bày vợ chồng không có tài sản chung. Xét thấy anh Bùi Mạnh T có ý kiến chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không hợp tác đến Tòa án để làm đơn yêu cầu chia tài sản chung mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về việc yêu cầu đương sự thực hiện nghĩa vụ tố tụng trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên ý kiến của anh Bùi Mạnh T không đủ điều kiện để xem xét giải quyết chia tài sản chung theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Bùi Mạnh T. Trường hợp anh Bùi Mạnh T có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Chị La Thị P và anh Bùi Mạnh T đều xác định không có nợ chung do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị P được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị La Thị P được ly hôn với anh Bùi Mạnh T. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2015 đăng ký ngày 04/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc).*

2. Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị P được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai